

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	số đầu năm	số cuối năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41,321,364,281	29,998,601,422
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,330,585,534	11,077,689,584
1. Tiền	111		2,330,585,534	577,689,584
2. Các khoản tương đương tiền	112			10,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,268,180,132	11,240,405,660
1. Phải thu khách hàng	131		12,764,851,484	8,936,433,772
2. Trả trước cho người bán	132		185,632,000	435,632,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1,317,696,648	1,868,339,888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		24,626,549,855	7,490,501,212
1. Hàng tồn kho	141		24,626,549,855	7,490,501,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96,048,760	190,004,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,836,560	28,630,008
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		74,212,200	161,374,958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19,489,338,561	17,446,812,213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		19,010,258,802	17,062,649,122
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,365,647,233	10,187,206,463
- Nguyên giá	222		42,421,251,704	43,463,237,443
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,055,604,471)	(33,276,030,980)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6,644,611,569	6,875,442,659
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	số đầu năm	số cuối năm
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		479,079,759	384,163,091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		479,079,759	384,163,091
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60,810,702,842	47,445,413,635
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		36,755,157,591	23,353,093,287
I. Nợ ngắn hạn	310		28,651,228,712	14,962,368,726
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		28,477,067,844	12,997,591,508
3. Người mua trả tiền trước	313		5,669,817	5,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		351,671,526	79,055,709
5. Phải trả người lao động	315			248,489,210
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		767,522,086	1,632,232,299
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(950,702,561)	
II. Nợ dài hạn	330		8,103,928,879	8,390,724,561
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		7,855,862,000	7,955,862,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		248,066,879	279,653,479
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			155,209,082
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24,055,545,251	24,092,320,348
I. Vốn chủ sở hữu	410		24,055,545,251	24,092,320,348
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,159,850,000	20,159,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		28,368,962	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,497,912,513	1,497,912,513
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		943,655,580	959,154,802
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,425,758,196	1,475,403,033
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60,810,702,842	47,445,413,635
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	số đầu năm	số cuối năm
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 02 năm 2012

Giám đốc công ty

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu Hà

Lê Hồng Quế

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 60 - thị trấn Đông anh - TP Hà nội

Tel:043.9680296 Fax: 043.8833786

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	năm 2011	năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		50,826,153,460	45,698,832,351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,309,091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		50,824,844,369	45,698,832,351
4. Giá vốn hàng bán	11		48,148,036,125	40,671,521,324
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		2,676,808,244	5,027,311,027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,013,011,529	48,566,811
7. Chi phí tài chính	22			376,868,182
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			376,868,182
8. Chi phí bán hàng	24		52,880,000	70,920,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,352,675,084	3,846,213,339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		(1,715,735,311)	781,876,317
11. Thu nhập khác	31		1,904,766,949	971,080,785
12. Chi phí khác	32		56,696,208	63,815,227
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1,848,070,741	907,265,558
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		132,335,430	1,689,141,875

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	năm 2011	năm 2010
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		36,192,928	437,102,609
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		96,142,502	1,252,039,266
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62			-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		48	621

Lập biểu

kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu hà

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 60 - thị trấn Đông anh - TP Hà nội

Tel:043.9680296 Fax: 043.8833786

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

năm tài chính 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	năm 2011	năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		60,647,265,345	42,521,453,088
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(38,002,310,715)	(20,485,539,455)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,904,309,339)	(6,382,583,099)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(376,433,700)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(171,745,565)	(372,356,462)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		750,382,011	8,798,010,312
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,328,067,433)	(8,667,756,490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8,991,214,304	15,034,794,194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21		(1,304,403,429)	(7,517,650,660)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn t	22		50,000,000	94,999,999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,010,293,175	48,566,811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(244,110,254)	(7,374,083,850)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	năm 2011	năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của c	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			7,277,587,207
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(12,277,587,207)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(1,209,591,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(6,209,591,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8,747,104,050	1,451,119,344
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,330,585,534	879,466,190
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		11,077,689,584	2,330,585,534

Ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc công ty

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu Hà

Lê Hồng Quế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại thành phố Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 20.159.850.000 VND. Tương đương 2015.985 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103004251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	33,704,129	68,750,796
Tiền gửi ngân hàng	543,985,455	2,261,834,738
Các khoản tương đương tiền	10,500,000,000	-
	11,077,689,584	2,330,585,534

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về người lao động	-	942,054,836
Phải thu về bảo hiểm xã hội	722,254	17,387,848
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1,717,265,494	-
Phải thu khác	150,352,140	358,253,964
	1,868,339,888	1,317,696,648

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4,738,495,327	22,569,712,218
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	420,770,373	1,306,344,447
Thành phẩm	2,331,235,512	718,345,742
Hàng gửi đi bán	-	32,147,448
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7,490,501,212	24,626,549,855

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	161,374,958	74,212,200
	161,374,958	74,212,200

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3,530,475,908	36,609,165,302	1,929,999,761	351,610,733	42,421,251,704
Số tăng trong năm	1,073,572,339	-	-	-	1,073,572,339
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,073,572,339	-	-	-	1,073,572,339
Số giảm trong năm	-	-	(31,586,600)	-	(31,586,600)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31,586,600)	-	(31,586,600)
Số dư cuối năm	4,604,048,247	36,609,165,302	1,898,413,161	351,610,733	43,463,237,443
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2,224,581,352	27,127,320,237	481,810,080	221,892,802	30,055,604,471
Số tăng trong năm	231,401,187	2,820,293,362	156,571,814	43,746,746	3,252,013,109
- Trích khấu hao	231,401,187	2,820,293,362	156,571,814	43,746,746	3,252,013,109
Số giảm trong năm	-	-	(31,586,600)	-	(31,586,600)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31,586,600)	-	(31,586,600)
Số dư cuối năm	2,455,982,539	29,947,613,599	606,795,294	265,639,548	33,276,030,980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	1,305,894,556	9,481,845,065	1,448,189,681	129,717,931	12,365,647,233
Số dư cuối năm	2,148,065,708	6,661,551,703	1,291,617,867	85,971,185	10,187,206,463

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.622.613.950 đồng

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6,875,442,659	6,644,611,569
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (*)	6,875,442,659	6,644,611,569
	6,875,442,659	6,644,611,569

(*) Dự án xin đất mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh được UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên - Môi trường và Nhà đất Hà Nội, Sở Quy hoạch và Kiến Trúc chấp thuận từ năm 2007. Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án.

Dự án được tài trợ bằng nguồn kinh phí từ hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng nhà kho tại Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại thành phố Hà Nội với 4 đơn vị là các công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (được trình bày tại Thuyết minh số 12 - Phải trả dài hạn khác).

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	643,940	127,946,059
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	383,519,151	351,133,700
	384,163,091	479,079,759

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	66,166,092	154,445,041
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	47,266,881
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12,867,217	149,937,204
Thuế Thu nhập cá nhân	22,400	22,400
	79,055,709	351,671,526

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	263,138,124	145,852,339
Phải trả về cổ phần hoá	36,818,181	36,818,181
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	906,080,945	459,931,769
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	50,000,000	-
Phải trả, phải nộp khác	376,195,049	124,919,797
	1,632,232,299	767,522,086

12 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền góp vốn hợp tác đầu tư mở rộng mặt bằng (*)	7,855,862,000	7,855,862,000
Thu tiền cải tạo hệ thống thoát nước các cty tại kho Đông Anh	100,000,000	-
	<u>7,955,862,000</u>	<u>7,855,862,000</u>

(*) Theo hợp đồng Góp vốn đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư dự án "Xin đất mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh" đã nhận vốn góp lần 1 của các Công ty:

- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	2,040,511,000 đồng
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	1,594,351,000 đồng
- Công ty CP Sách và TBTH Miền Bắc	2,115,500,000 đồng
- Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	2,105,500,000 đồng

Sau khi dự án hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In sách giáo khoa thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất.

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20,159,850,000	-	1,497,912,513	943,655,580	1,383,309,930	23,984,728,023
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	1,252,039,266	1,252,039,266
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(1,209,591,000)	(1,209,591,000)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	28,368,962	-	-	-	28,368,962
Số dư cuối năm trước	20,159,850,000	28,368,962	1,497,912,513	943,655,580	1,425,758,196	24,055,545,251
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	96,142,502	96,142,502
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	15,499,222	(15,499,222)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(30,998,443)	(30,998,443)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(28,368,962)	-	-	-	(28,368,962)
Số dư cuối năm nay	20,159,850,000	-	1,497,912,513	959,154,802	1,475,403,033	24,092,320,348

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Xuất bản Giáo dục	10,281,600,000	51.00%	10,281,600,000	51.00%
Vốn góp của đối tượng khác	9,878,250,000	49.00%	9,878,250,000	49.00%
	20,159,850,000	100.00%	20,159,850,000	100.00%

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20,159,850,000	20,159,850,000
- Vốn góp đầu năm	20,159,850,000	20,159,850,000
- Vốn góp cuối năm	20,159,850,000	20,159,850,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1,209,591,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	1,209,591,000

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,015,985	2,015,985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,015,985	2,015,985
- Cổ phiếu phổ thông	2,015,985	2,015,985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,015,985	2,015,985
- Cổ phiếu phổ thông	2,015,985	2,015,985
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	1,497,912,513	1,497,912,513
Quỹ dự phòng tài chính	959,154,802	943,655,580
	<u>2,457,067,315</u>	<u>2,441,568,093</u>

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	50,826,153,460	45,698,832,351
	<u>50,826,153,460</u>	<u>45,698,832,351</u>

15 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	1,309,091	-
	<u>1,309,091</u>	<u>-</u>

16 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	50,824,844,369	45,698,832,351
	50,824,844,369	45,698,832,351

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	48,148,036,125	40,671,521,324
	48,148,036,125	40,671,521,324

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1,010,293,175	48,566,811
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2,718,354	-
	1,013,011,529	48,566,811

19 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	50,000,000	
Giấy thừa trong quá trình gia công thuê	284,905,684	291,761,024
Tiền cho thuê mặt bằng	1,402,108,172	550,839,004
Thu nhập khác	167,753,093	128,480,757
	1,904,766,949	971,080,785

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132,335,430	1,689,141,875
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12,436,282	59,268,559
- Các khoản điều chỉnh tăng	12,436,282	59,268,559
Tổng lợi nhuận chịu thuế	144,771,712	1,748,410,434
Tổng lợi nhuận tính thuế	144,771,712	1,748,410,434
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	144,771,712	1,748,410,434
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	36,192,928	437,102,609
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36,192,928	437,102,609

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	96,142,502	1,252,039,266
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96,142,502	1,252,039,266
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2,015,985	2,015,985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	48	621

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36,255,108,004	28,919,068,481
Chi phí nhân công	9,263,479,808	6,382,583,099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,252,013,109	3,125,159,091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,168,602,023	1,502,670,519
Chi phí khác bằng tiền	2,614,388,265	1,387,629,706
	53,553,591,209	41,317,110,896

23 . THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại thành phố Hà Nội với 4 đơn vị là các công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội sẽ làm đại diện triển khai Dự án hợp tác đầu tư xây dựng nhà kho tại Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh. Dự án hoàn thành, các bên sẽ có diện tích sử dụng tương ứng với số vốn đã đóng góp để hoàn thành dự án.

Theo hợp đồng trên, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã triển khai Dự án xin cấp đất mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh. Dự án này đã được UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên - Môi trường và Nhà đất Hà Nội, Sở Quy hoạch và Kiến Trú chấp thuận từ năm 2007. Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đang thực hiện thỏa thuận đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án. Tổng chi phí của dự án đã tập hợp được đến thời điểm 31/12/2011 là gần 6,9 tỷ đồng, số tiền các đơn vị đối tác trong dự án đã đóng góp đến thời điểm 31/12/2011 là 7.855.862.000 đồng.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Nhà Xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	131,235,806	115,515,843
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	35,980,913,574	33,086,572,044
- Công ty CP Bản đồ và tranh ảnh GD	Cùng tập đoàn	2,863,657,466	3,401,253,350
- NXBGD tại Tp. Cần Thơ	Cùng tập đoàn	214,881,616	603,722,221
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng tập đoàn	164,924,709	607,176,157
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Cùng tập đoàn	713,477,870	2,618,287,852
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	Cùng tập đoàn	1,683,137,851	2,245,865,267
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	350,250,844	203,938,000
- Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	447,083,873	804,526,549
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội	Cùng tập đoàn	664,964,505	253,915,135
- Công ty CP PHS và TBTH Miền Bắc	Cùng tập đoàn	396,859,392	46,646,774
- Công ty CP Sách Dân Tộc	Cùng tập đoàn	1,227,586,191	1,430,669,163
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	255,007,817
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	Cùng tập đoàn	243,407,455	502,621,517
- Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	41,567,810	-
- Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Cùng tập đoàn	5,718,182	-
Trả gốc vay			
- Công ty CP ĐT Tài chính GD (vay ngắn hạn)	Cùng tập đoàn	-	2,000,000,000
Cho vay giấy in			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	1,586,310,145	-
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	410,323,845	-
Vay giấy in			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	393,606,010	-
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	1,536,941,395	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	181,618,712	37,259,325
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	6,762,218,042	10,369,439,254
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Cùng tập đoàn	198,948,549	138,925,336
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Cùng tập đoàn	100,000,000	100,000,000
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	85,663,395	99,758,668
- Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	Cùng tập đoàn	100,073,460	500,557,749
- Công ty CP Dịch vụ XB Hà Nội	Cùng tập đoàn	583,936,091	153,915,135
- Công ty CP Sách Dân Tộc	Cùng tập đoàn	462,552,631	1,032,581,911
- Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Cùng tập đoàn	91,160,180	-
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Hà Nội	Cùng tập đoàn	497,427	-
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	203,499,561	-
Người mua trả trước			
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	669,817
Phải thu khác			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	1,717,265,494	181,671,614
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	117,304,479	143,081,509
Phải trả khác			
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	906,080,945	459,931,769
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	50,000,000	
- Nhà xuất bản Giáo dục tại HN	Cùng tập đoàn	346,575,536	124,919,797
Phải trả dài hạn khác			
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	2,040,511,000	2,040,511,000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	1,694,351,000	1,594,351,000
- Công ty CP Sách và TBTH Miền Bắc	Cùng tập đoàn	2,115,500,000	2,115,500,000
- Công ty CP SGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	2,105,500,000	2,105,500,000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Phan Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012